TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 17-01-2024
V/v "Yêu cầu bảo vệ quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc của cha mẹ đối với con chưa thành niên".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Phạm Thị Thu Phương.

2/ Ông Phan Trịnh Minh Đức.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/01/2024 và ngày 17/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2023/TLPT-HNGĐ ngày 24/10/2023 về việc "Yêu cầu bảo vệ quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc của cha mẹ đối với con chưa thành niên".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 902//2023/HNGĐ-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5492/2023/QĐ-PT ngày 22/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18064/2023/QĐ-PT ngày 21/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị C, sinh năm 1959. Địa chỉ: số 10 đường A, Phường B, thành phố D, tỉnh L; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1 - Luật sư Văn phòng Luật sư T1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 180/43 Đường I, Phường E, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Mai Xuân H, sinh năm 1981; Địa chỉ: 1/10C Đường L, ấp K, xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn - ông Mai Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Bà Phan Thị C trình bày:

Trẻ Phan Đức T có hoàn cảnh đặc biệt, khi sinh ra đã bị bỏ rơi trước cổng Tịnh xá T2 (số 10 đường A, Phường B, thành phố D). Bà Phan Thị C (Ni sư H1 – Trụ trì Tịnh xá) đã đưa về nuôi và làm thủ tục khai sinh nhận bé làm con nuôi. Năm 2018, do có quen biết trước đó ông Mai Xuân H ghé Tịnh xá T2, thấy bé Phan Đức T dễ thương nên ông H ngỏ lời xin bà Phan Thị C được đưa cháu về Chùa G (Địa chỉ: 1/10C Đường L, ấp K, xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh) tu học. Do vậy, bà Phan Thị C có làm giấy ủy quyền viết tay với nội dung: "xin gởi cháu Phan Đức T, sinh năm 01/01/2012 theo Thầy Thích Quảng P (Mai Xuân H) để tu học".

Khi theo ông H về Chùa G, cháu T theo học tại trường tiểu học Y, huyện N. Từ năm 2018 đến năm 2020, mỗi lần bà Phan Thị C nhớ con hoặc có việc tại Thành phố Hồ Chí Minh đều ghé Chùa G thăm cháu T. Nhưng từ năm 2021 đến nay, không biết vì lý do gì ông H không cho bà Phan Thị C gặp mặt thăm cháu T nữa. Bà Phan Thị C nhiều lần tới Chùa G yêu cầu ông Mai Xuân H giao trả lại bé Phan Đức T, nhưng ông H không đồng ý và đưa ra các lý lẽ không phù hợp đạo lý và pháp luật. Bà Phan Thị C đã yêu cầu chính quyền các cấp thuộc huyện N như Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân huyện N, Công an huyện N can thiệp, nhưng các cơ quan trên không giải quyết, cho rằng đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Phan Thị C xác định có mối quan hệ với cháu T là quan hệ nhân thân (mẹ-con) bất khả xâm phạm.

Cuối tháng 7/2022, với tư cách là mẹ, bà Phan Thị C đã trực tiếp tới rút học bạ của cháu T từ trường tiểu học Y về nhập học tại trường Tiểu học X, thành phố D và đã được trường xếp vào học lớp 5B. Thật đáng tiếc ông Mai Xuân H vẫn cứ giữ nuôi cháu T bất hợp pháp, bất chấp quyền lợi của cháu. Bà Phan Thị C xác định do là tu sĩ Phật Giáo chỉ muốn giải quyết ôn hòa chứ không muốn khởi kiện, nhưng chính thái độ cố chấp và bất chấp pháp luật, lại thêm hướng dẫn của các cơ quan ở huyện N, nên bà Phan Thị C buộc lòng phải khởi kiện ông Mai Xuân H ra tòa án, yêu cầu ông phải giao lại cháu Phan Đức T cho bà Phan Thị C trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu là con nuôi của bà Phan Thị C, có giấy khai sinh rõ ràng và có hộ khẩu thường trú tại Tịnh xá T2, trường Tiểu học X cũng rất gần nhà thuận tiện cho cháu đi học. Từ nội dung trên, bà Phan Thị C khởi kiện yêu cầu chấm dứt Giấy ủy quyền ngày 24/7/2018 và buộc ông Mai

Xuân H giao trả cháu Phan Đức T, sinh ngày 01/01/2012 cho bà Phan Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bị đơn ông Mai Xuân H trình bày:

Trẻ Phan Đức T khi sinh ra đã bị bỏ rơi trước cổng Tịnh xá T2 và bà Phan Thị C đã đưa về nuôi và làm thủ tục khai sinh nhận bé làm con nuôi. Năm 2018, bà Phan Thị C đề nghị gửi cháu Phan Đức T cho ông Mai Xuân H nuôi. Từ đó, cháu Phan Đức T được ông Mai Xuân H đưa về Chùa G nuôi dạy. Bà Phan Thị C có làm giấy ủy quyền cho ông Mai Xuân H nuôi dạy.

Đầu năm 2020 bà Phan Thị C vào chùa G dẫn cháu về D chơi tết, khi trở về cháu có nhiều biểu hiện lạ, không được vui vẻ và khó dạy hơn trước. Chính vì lẽ đó, đầu năm 2021 khi bà Phan Thị C đến đòi dẫn cháu về D chơi tết ông Mai Xuân H đã không đồng ý. Đầu tháng 4/2021 bà Phan Thị C nhắn tin báo sẽ bắt cháu lại giao cho người khác nuôi làm ông Mai Xuân H rất sốc. Do đó, việc bà Phan Thị C muốn bắt cháu Phan Đức T về ông Mai Xuân H không đồng ý, vì những lý do:

Cháu Phan Đức T là là nam, theo quy định của giáo hội cần được ở chùa tăng để tiện nuôi dạy, chăm sóc.

Hiện cháu Phan Đức T đã hơn 10 tuổi, sau 4 năm sống với ông Mai Xuân H, tình cảm gắn bó thân thiết, nay phải tách rời là là một việc rất đau xót cho ông Mai Xuân H. Bản thân cháu Phan Đức T có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông Mai Xuân H và rất sợ bị bắt đi nơi khác.

Cháu Phan Đức T cần có cuộc sống ổn định để phát triển thể chất, tâm lý bình thường, nếu mang cháu đi gửi hết nơi này đến nơi khác sẽ ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, tinh thần của cháu. Cháu có những nhận thức riêng cần được tôn trọng.

Từ nội dung trên, ông Mai Xuân H yêu cầu Tòa án xem xét cho cháu Phan Đức T được tiếp tục ở lại chùa G cùng với ông Mai Xuân H.

Tại Bản án sơ thẩm số 902/2023/HNGĐ-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68, Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C đối với ông Mai Xuân H.

Buộc ông Mai Xuân H có nghĩa vụ giao cháu Phan Đức T, sinh 01/01/2012 cho bà Phan Thị C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đình chỉ yêu cầu chấm dứt Giấy ủy quyền ngày 24/7/2018 của bà Phan Thị C.

Chấp nhận yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 30/2023/QĐ-BPKCTT ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Buộc thực hiện hành vi nhất định".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/8/2023, ông Mai Xuân H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 902/2023/HNGĐ-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao trẻ Phan Đức T cho ông Mai Xuân H là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Mai Xuân H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với nội dung án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh là giao cho bà C trực tiếp nuôi trẻ T. Ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ T vì trẻ T là nam giới nên cần được nuôi dưỡng và tu tập tại chùa tăng vì bà C hiện đang tu tập tại chùa ni. Bản thân trẻ T cũng đã có tâm tư nguyện vọng gửi Hội đồng xét xử tha thiết muốn được tiếp tục ở với ông chứ không muốn ở với bà C nữa.

Nguyên đơn bà Phan Thị C yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N về việc "Yêu cầu bảo vệ quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc của cha mẹ đối với con chưa thành niên" đối với con của bà là trẻ Phan Đức T, bởi bà Phan Thị C là mẹ hợp pháp của trẻ T thì việc bà C là người trực tiếp nuôi dưỡng, dạy dỗ trẻ T là chính đáng và hợp pháp, ông H chỉ là người bà C gửi trẻ T để tu học, tuy nhiên từ khi gửi trẻ T cho ông H thì tính tính trẻ T thay đổi không nghe lời bà nữa, thậm chí quay sang chối bỏ quan hệ mẹ- con giữa bà và trẻ T, đó là điều làm bà rất đau lòng, bởi bà đã nuôi dưỡng trẻ T từ lúc sơ sinh, yêu thương hết lòng, từ năm 2019 đến nay đã 04 năm rồi bà không được gặp trẻ T bà rất nhớ thương con, do ông H ngăn cản không cho bà gặp con, trẻ T thay đổi tính tình theo hướng tiêu cực nên bà không còn nguyện vọng gửi trẻ T cho ông H trông nom và cho cháu theo ông H tu học nữa nên bà yêu cầu ông H giao trả lại trẻ T cho bà để bà là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T theo quy định pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phan Thị C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

- Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo quy định tại Điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự (Bộ luật TTDS) năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua việc kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật TTDS; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 286 Bộ luật TTDS; Hồ sơ vụ án cũng đã được chuyển cho VKS cùng cấp nghiên cứu theo quy định tại Điều 292 Bộ luật TTDS.

2. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

4. Về việc giải quyết vụ án dân sự

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

Về thời hạn kháng cáo:

Ngày 16/8/2023, Tòa án nhân dân huyện N xét xử bản án dân sự sơ thẩm số 902/2023/DS-ST có mặt bị đơn. Ngày 21/8/2023, bị đơn có đơn kháng cáo. Như vậy kháng cáo còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015.

Về nội dung:

Các bên đều thừa nhận cháu Phan Đức T khi sinh ra đã bị bỏ rơi trước cổng chùa Tịnh xá T2 số 10 đường A, Phường B, thành phố D.

Theo giấy khai sinh số 67 quyển số 01/2015 ngày 14/02/2015, bà Phan Thị C là mẹ nuôi của cháu Phan Đức T.

Theo giấy ủy quyền ngày 24/7/2018, bà Phan Thị C đã gửi cháu Phan Đức T cho ông Mai Xuân H để tu học. Đến năm 2021, ông H không cho bà C được thăm cháu T. Bà C có nguyện vọng được đón cháu T về chăm sóc nuôi dưỡng nhưng ông H vẫn giữ và không trả cháu T về cho mẹ chăm sóc.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu ông H phải thực hiện nghĩa vụ giao cháu Phan Đức T cho bà Phan Thị C thì nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 "Cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi có quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con được quy

định trong Luật này kể từ thời điển quan hệ con nuôi được xác lập theo quy định của Luật nuôi con nuôi". Căn cứ theo giấy khai sinh số 67 quyển số 01/2015 ngày 14/02/2015, bà Phan Thị C là mẹ nuôi của cháu Phan Đức T.

Tại Điều 68: Bảo vệ quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con

1. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con theo quy định tại Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan được tôn trọng và bảo vệ.

2. Con sinh ra không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với cha mẹ của mình được quy định tại Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

3. Giữa con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con được quy định tại Luật này, Luật nuôi con nuôi, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

4. Mọi thỏa thuận của cha mẹ, con liên quan đến quan hệ nhân thân, tài sản không được làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Tại Điều 69: Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ

1. Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

2. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Từ quy định trên nhận thấy bà C là mẹ hợp pháp của cháu Phan Đức T, ông Mai Xuân H không cho bà C được thăm cháu T và giao cháu T cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng là đang có hành vi cản trở quyền và nghĩa vụ của mẹ đối với con chưa thanh niên, bà C yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ giao cháu Phan Đức T sinh ngày 01/01/2012 cho bà C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ để chấp nhận.

Tại đơn kháng cáo ông H cho rằng:

+ Bà C không phải mẹ ruột mà chỉ là mẹ nuôi của cháu T, thực tế bà C không trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc trẻ T mà thường xuyên giao cho người khác nuôi dưỡng.

Về mặt pháp lý bà C là mẹ nuôi hợp pháp của cháu T và bà C có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ được pháp luật quy định. Việc bà C ủy quyền cho ông H được nuôi cháu T là để tu học nhưng ông H đã có hành vi cản trở quyền được thăm nom, chăm sóc con của bà C. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H có nghĩa vụ giao cháu T cho bà C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

+ Trẻ T có viết tâm thư thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục ở lại chùa G để sinh sống cùng bị đơn và các sư thầy khác, không muốn sinh sống với bà C: Trong vụ án này Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu "Bảo vệ quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc của cha mẹ đối với con chưa thành niên" do cháu T chưa thành niên nên theo quy định phải được cha mẹ hợp pháp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Bà C không yêu thương, chăm sóc trẻ T và không đáp ứng đủ điều kiện về kinh tế, môi trường để trẻ T có thể học tập, phát triển toàn diện về thể chất và tâm sinh lý: Ngoài lời trình bày thì phía bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để xem xét.

Bởi các lẽ trên;

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Mai Xuân H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 902/2023/HNGĐ-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện N.

Về án phí phúc thẩm: Các đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của ông Mai Xuân H làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Mai Xuân H

Ông H kháng cáo cho rằng bà C không có khả năng chăm sóc trẻ T tốt bằng ông do bà là ni, trẻ T là tăng, theo qui định của giáo hội Phật giáo thì tăng không được tu tập chung một chùa với ni, bản thân ông đã nuôi giữ trẻ T bốn năm nay, tình cảm rất quyến luyến nên không thể nào rời xa trẻ T được.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Phan Thị C và ông Mai Xuân H vốn là những người đã xuất gia tu hành, trẻ Phan Đức T là trẻ mồ côi bị gia đình bỏ rơi từ nhỏ, cả bà C và ông H đều có nguyện vọng là người nuôi dưỡng trẻ T là xuất phát từ lòng từ bi, bác ái, yêu thương của những người tu hành đối với trẻ nhỏ, tuy nhiên việc giao trẻ chưa thành niên cho ai trông nom, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ và nhất là phải phù hợp pháp luật.

Căn cứ theo bản sao Giấy khai sinh số 67, quyển số 01/2015 ngày 14/02/2015 do Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố D, tỉnh L cấp thì hiện tại bà C đang là mẹ hợp pháp của trẻ T được pháp luật công nhận, bảo vệ; Ông H

cho rằng việc bà C là nữ giới nên việc chăm sóc, giáo dục trẻ T là nam giới thì không phù hợp cho sự phát triển tâm sinh lý của trẻ T và phạm vào điều cấm của Giáo hội Phật giáo là không có căn cứ, bởi lẽ trẻ T hiện nay chỉ mới 11 tuổi vẫn là trẻ em cần được chăm sóc, bảo vệ, yêu thương, nuôi dưỡng của người lớn, hơn nữa mối quan hệ nhân thân giữa bà C và trẻ T là quan hệ mẹ - con chứ không phải giữa tăng và ni nên ông H cho rằng để trẻ T tu tập chung với bà C là vi phạm điều luật của giáo hội Phật giáo là không đúng pháp luật và không có căn cứ.

Xét về đề nghị của ông Mai Xuân H về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Phan Đức T, Hội đồng xét xử xét thấy ông H không phải là cha của trẻ T, căn cứ vào giấy ủy quyền (viết tay) do bà Phan Thị C viết và ký ngày 24/7/2018 có nội dung: "…gửi cháu Phan Đức T sinh ngày 01/01/2012 cho ông Mai Xuân H để tu học…" ngoài ra không có ủy quyền thêm nội dung nào khác. Như vậy, ông Mai Xuân H không có quyền yêu cầu giao trẻ T cho ông nuôi dưỡng; Đây là sự ủy quyền, một giao dịch dân sự giữa cá nhân bà Phan Thị C và ông Mai Xuân H chứ không hề liên quan gì đến chức sắc, tôn giáo, hay giáo hội nên việc yêu cầu xem xét giải quyết theo điều luật của giáo hội là không phù hợp và không có căn cứ.

Mặt khác, không ai được quyền tước quyền làm làm mẹ hợp pháp của bà C đối với trẻ T bởi lẽ bà Phan Thị C không bị giới hạn quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định pháp luật nên đề nghị này của ông Mai Xuân H là trái pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ngoài ra, ông H còn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không lấy lời khai của trẻ T để trẻ được nói lên tiếng nói của mình, để trẻ được đề đạt nguyện vọng mong muốn của một đứa trẻ vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị cấp phúc thẩm tiến hành lấy ý kiến của trẻ T nhằm bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của trẻ T theo Luật bảo vệ trẻ em.

Căn cứ Khoản 3, 5 Điều 60 Luật Trẻ em, trong trường hợp này, Hội đồng xét xử xét thấy tại bút lục số 97, 98 trong hồ sơ vụ án đã có bút tích của trẻ T đề đạt ý kiến, nguyện vọng của mình từ cấp sơ thẩm, và trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng đã được ông H đề cập đến đến nhiều lần, cũng như tại cấp phúc thẩm ông H cũng khẳng định là chữ viết của trẻ T, việc trẻ T trình bày nguyện vọng, ý kiến của mình là hoàn toàn vô tư, không bị ai tác động, dụ dỗ hay ép buộc gì, như vậy rõ ràng ý kiến của trẻ T đã được tòa án ghi nhận và thu thập từ cấp sơ thẩm và đã được kiểm tra tính xác thực của chứng cứ lại một lần nữa tại cấp phúc thẩm, bà C không có ý kiến gì về việc này nên việc đề nghị lấy ý kiến của trẻ T lần nữa tại phiên tòa là không cần thiết. Mặt khác, căn cứ theo quy định pháp luật tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc lấy ý kiến của trẻ chưa thành niên từ 07 tuổi trở lên trong vụ án ly hôn là để Hội đồng xét xử tham khảo trong việc giao trẻ cho cha hay mẹ của con chung là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ, do vậy điều luật quy định trên không phù hợp để áp dụng trong quan hệ tranh chấp này bởi lẽ bà Phan Thị C và ông Mai Xuân H không phải là quan hệ vợ chồng theo quy

định pháp luật, trẻ Phan Đức T không phải là con chung của bà C và ông H, việc trẻ T có bút tích trình bày ý kiến, nguyện vọng được tiếp tục sinh sống, tu tập cùng với ông H cũng là điều hợp lý bởi lẽ đã bốn năm nay và hiện nay ông H là người đang trông giữ trẻ T. Bản thân trẻ T chỉ mới vừa bước qua tuổi 11 vẫn đang là trẻ em nhận thức còn non nớt và suy nghĩ mang tính giản đơn, chưa cảm nhận được tình cảm mẹ - con của bà C đối với trẻ T là người đã cưu mang, nuôi dưỡng trẻ T từ thuở ấu thơ còn đỏ hỏn bị đấng sinh thành bỏ rơi trước cổng Tịnh Xá, bà C đã yêu thương chăm bẳm, nuôi nấng bằng tất cả tình thương yêu của một người mẹ dành cho con nên đã hoàn tất thủ tục pháp lý theo quy định pháp luật để xác định đây là mối quan hệ mẹ - con, đó là tình cảm yêu thương của bà C dành cho trẻ T và xem trẻ T là "con" của bà thật sự, đó là tình cảm thiêng liêng của một người mẹ xuất phát giữa bản thân bà C là một phụ nữ đơn thuần trong xã hội chứ không phải là sự bác ái, cưu mang của một vị ni sư xuất gia tu hành đối với đứa trẻ mồ côi. Nay bà C yêu cầu được "Yêu cầu bảo vệ quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc của cha mẹ đối với con chưa thành niên" là có căn cứ, đúng pháp luật và được pháp luật bảo vệ.

Do ông Mai Xuân H hiện là người đang giữ trẻ T và không tự nguyện trong việc giao trả cháu Phan Đức T lại cho bà Phan Thị C nên việc áp dụng, ban hành biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 30/2023/QĐ-BPKCTT ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Buộc thực hiện hành vi nhất định" là có cơ sở, đúng pháp luật. Xét cần thiết duy trì Quyết định này cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C giao trẻ T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T là có căn cứ, phù hợp qui định của pháp luật. Việc ông H kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà C, giao trẻ T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Xuân H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 68, Điều 69, Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Xuân H.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 902/2023/HNGĐ-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C đối với ông Mai Xuân H.

Buộc ông Mai Xuân H có nghĩa vụ giao cháu Phan Đức T, sinh 01/01/2012 cho bà Phan Thị C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 30/2023/QĐ-BPKCTT ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Buộc thực hiện hành vi nhất định".

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Xuân H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn). Ông H phải nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Mai Xuân H phải chịu, nhưng được cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn) ông H đã nộp tại biên lai thu số 0016842 ngày 24/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện N, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện N, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.(Linh/20b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên